

Số: 425/QĐ-ĐHBL

Bạc Liêu, ngày 19 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2024
của Trường Đại học Bạc Liêu

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC BẠC LIÊU

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTCP ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo số 79/TB-STC ngày 05 tháng 5 năm 2024 về việc xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024;

Xét đề nghị của Phòng Kế hoạch và Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2024 của Trường Đại học Bạc Liêu (theo biểu số 4 đính kèm).

Điều 2. Phòng Kế hoạch và Tài chính và các đơn vị liên quan trực thuộc Trường căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- STC tỉnh Bạc Liêu;
- Phòng KH&TC;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG *Phan Văn Đan*


Phan Văn Đan
Phan Văn Đan

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC BẠC LIÊU**

Chương: 422



QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 425/QĐ-ĐHBL, ngày 19/5/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bạc Liêu)
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
I	2	3	4	5=4-3
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
I	Số thu phí, lệ phí (Thu sự nghiệp)	27.907	27.907	-
1	Phí tuyển sinh	80	80	
2	Học phí chính quy, cấp bù học phí	22.846	22.846	
-	Học phí chính quy	19.607	19.607	
-	Cấp bù học phí	3.239	3.239	
3	Thu hoạt động dịch vụ - đào tạo	4.669	4.669	
4	Thu hoạt động tài chính	312	312	
5	Thu hoạt động khác		-	
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại (Từ nguồn thu sự nghiệp)	27.325	27.325	-
1	Chi sự nghiệp	27.325	27.325	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	27.325	27.325	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	
2	Chi quản lý hành chính	-	-	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	582	582	-
1	Phí tuyển sinh	1,6	1,6	
2	Học phí chính quy, cấp bù học phí	457	457	
-	Học phí chính quy	392	392	
-	Cấp bù học phí	65	65	
3	Thu hoạt động dịch vụ - đào tạo	107	107	
4	Thu hoạt động tài chính	16,0	16,0	
5	Thu hoạt động khác	-	-	
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	29.112	29.112	-
I	Nguồn ngân sách trong nước	29.112	29.112	-
1	Chi quản lý hành chính	-	-	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	290	290	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	-	-	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia		-	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ		-	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở		-	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	-	-	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	290	290	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	28.822	28.822	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	16.501	16.501	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	12.321	12.321	